

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG
15 NGÀY ĐẦU THÁNG 1/2018

I. TỔNG QUAN

1. Thị trường thế giới:

Trong 15 ngày đầu tháng 1/2018 so với cùng kỳ tháng 12/2017, giá một số mặt hàng thiết yếu trên thị trường thế giới có xu hướng tăng như gạo, đường, xăng dầu thành phẩm; giá chào phôi thép, phân bón Urê, LPG ổn định.

Tại thị trường Thái Lan, giá gạo 15% tấm dao động khoảng 401-410 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn, giá gạo 25% tấm dao động khoảng 395 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn. Tại thị trường Việt Nam, giá gạo 15% tấm dao động khoảng 395-410 USD/tấn, tăng 10 USD/tấn, giá gạo 25% tấm dao động khoảng 385 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn.

Tại thị trường New York, giá đường thô giao kỳ hạn tháng 03/2018 khoảng 14,18-15,31 Uscent/Lb, tăng 0,23-0,52 Uscent/LB, giá đường thô giao kỳ hạn tháng 05/2018 khoảng 14,32-15,21 Uscent/Lb, tăng 0,18-0,8 Uscent/LB. Tại Luân đôn, giá đường trắng giao kỳ hạn tháng 03/2018 khoảng 375-399,3 USD/tấn, tăng 10,4-14,5 USD/tấn, giá đường trắng giao kỳ hạn tháng 05/2018 khoảng 378,3-397,2 USD/tấn, tăng 6,1-17,7 USD/tấn.

Tại thị trường Singapore, xăng tăng 3,58%, dầu hỏa tăng 7,67%, dầu diesel tăng 7,40% và dầu madut tăng 5,17%.

Tại thị trường Đông Á và Biển Đen, giá phôi thép ổn định: giá chào phôi thép CFR (Đông Á) khoảng 420-445 USD/tấn, giá chào phôi CIS khoảng 440 USD/tấn FOB (Biển Đen). Tại Trung Đông, giá LPG không đổi so với mức giá LPG tháng 12/2017 là 580USD/tấn.

2. Thị trường trong nước:

Trong 15 ngày đầu tháng 1/2018, giá một số mặt hàng thiết yếu tại thị trường trong nước có xu hướng tăng nhẹ như lúa, gạo tẻ thường tại miền Nam, xăng dầu;

giảm giá như đường, xi măng, phân bón urê; giá ổn định như thép, thực phẩm tươi sống, lúa, gạo tẻ thường tại miền Bắc, thuốc chữa bệnh cho người.

Giá lúa khô tại kho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long loại thường 15 ngày đầu tháng 01/2018 phổ biến dao động 5.900 -6.100 đồng/kg tăng 100 đồng/kg. Giá gạo thành phẩm 5% tấm không bao bì giao tại mạn tàu hiện khoảng 8.600-8.750 đồng/kg tăng 50 đồng/kg, gạo 25% tấm khoảng 8.100-8.200 đồng/kg tăng 50 đồng/kg. Tại miền Bắc, Giá lúa tẻ thường dao động phổ biến ở mức 7.500-8.500 đồng/kg, giá một số loại lúa chất lượng cao hơn phổ biến ở mức 9.000-10.500 đồng/kg.

So với cùng kỳ tháng 12/2017, xăng RON 92 tăng 3,58%, dầu hỏa tăng 7,67%, dầu diesel tăng 7,4%, dầu madut tăng 5,17%.

Ngày 04/01/2018, Bộ Công Thương đã ban hành văn bản số 51/BCT-TTTN về điều hành kinh doanh xăng dầu, áp dụng từ 15 giờ 00 ngày 04/01/2018: Theo đó, chi Quỹ bình ổn với xăng khoáng là 0 đồng/lít, giảm 523 đồng/lít so với kỳ công bố trước; xăng E5 RON 92 là 857 đồng/lít, dầu diesel mới là 400 đồng/lít, dầu hỏa là 460 đồng/lít và dầu madut là 150 đồng/kg. Như vậy, giá bán lẻ xăng E5 RON 92 vẫn giữ mức trần là 18.243 đồng/lít, dầu diesel 0,05S là 15.529 đồng/lít, dầu hỏa là 14.112 đồng/lít và dầu madut 3,5S có mức trần là 12.617 đồng/kg.

Giá bán buôn đường trên thị trường 15 ngày đầu tháng 1/2018 tiếp tục ở mức thấp: Giá bán buôn đường RS ở mức khoảng 12.700-13.600 đồng/kg, giảm 400 đồng/kg; giá bán buôn đường RE ở mức khoảng 14.600-15.800 đồng/kg, giảm 200 đồng. Giá bán lẻ đường trên thị trường ở mức 15.000-18.000 đồng/kg

Giá phân bón urê trong nước 15 ngày đầu tháng 1/2018 giảm nhẹ khoảng 100 đồng/kg so với tháng 12/2017 do nhu cầu thị trường thấp. Tại miền Bắc, mức giá phổ biến khoảng 6.700-7.000 đồng/kg; tại miền Nam, mức giá phổ biến khoảng 6.200-7.000 đồng/kg.

Giá bán vàng 99,99% tại các công ty kinh doanh vàng bạc Nhà nước tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh (01/01/2018) dao động lần lượt ở mức 3.647- 3.669 triệu đồng/chỉ (mua vào-bán ra), chốt phiên giữa tháng (15/01/2018) ở mức 3.676-3.698 triệu đồng/chỉ.

Tỷ giá hạch toán giữa Đồng Việt Nam với Đôla Mỹ tháng 01/2018 được Bộ Tài chính công bố áp dụng cho các nghiệp vụ quy đổi và hạch toán thu, chi ngân sách Nhà nước bằng ngoại tệ; quy đổi và hạch toán sổ sách kế toán của Kho bạc Nhà nước là 1 USD = 22.439 đồng, giảm 26 đồng so với tháng trước.

II. DIỄN BIẾN GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG CHỦ YẾU

1. THÓC GẠO

+ *Thị trường thế giới:*

- Tháng 01/2018: So với tháng 12/2017, giá chào bán gạo tháng 01/2018 tăng tại Thái Lan do đồng Bath tăng; giá chào bán gạo tháng 01/2018 tăng tại Việt Nam do kỳ vọng về hợp đồng mới với Philippin và Indonesia. Tại thị trường Thái Lan, giá gạo 15% tấm dao động khoảng 401-410 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn, giá gạo 25% tấm dao động khoảng 395 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn. Tại thị trường Việt Nam, giá gạo 15% tấm dao động khoảng 395-410 USD/tấn, tăng 10 USD/tấn, giá gạo 25% tấm dao động khoảng 385 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn.

+ *Thị trường trong nước:*

Tại miền Bắc, giá lúa, gạo tẻ thường 15 ngày đầu tháng 01/2018 ổn định so với tháng 12/2017. Giá lúa tẻ thường dao động phổ biến ở mức 7.500-8.500 đồng/kg, giá một số loại lúa chất lượng cao hơn phổ biến ở mức 9.000-10.500 đồng/kg.

Tại miền Nam, giá tăng nhẹ do kỳ vọng về hợp đồng mới với Philippin và Indonesia. Giá lúa khô tại kho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long loại thường 15 ngày đầu tháng 01/2018 phổ biến dao động 5.900 -6.100 đồng/kg tăng 100 đồng/kg. Giá gạo thành phẩm 5% tấm không bao bì giao tại mạn tàu khoảng 8.600-8.750 đồng/kg tăng 50 đồng/kg, gạo 25% tấm khoảng 8.100-8.200 đồng/kg tăng 50 đồng/kg.

- **Dự báo:** 15 ngày cuối tháng 01/2018, giá gạo thế giới và trong nước có xu hướng ổn định hoặc tăng nhẹ.

2. THỰC PHẨM TƯƠI SỐNG

- *Diễn biến và nguyên nhân:* Trong nửa đầu tháng 01/2018, giá thực phẩm tươi sống tương đối ổn định so với cùng kỳ tháng 12/2017. Cụ thể:

Thịt lợn hơi: Tại miền Bắc, giá phổ biến khoảng 29.000-33.000 đồng/kg; tại miền Nam, giá phổ biến khoảng 27.000-33.000 đồng/kg.

Thịt lợn mỡ: Tại miền Bắc, giá phổ biến khoảng 75.000 - 80.000 đồng/kg; tại miền Nam, giá phổ biến khoảng 70.000 - 80.000 đồng/kg.

Thịt bò thăn: Giá phổ biến khoảng 260.000 - 275.000 đồng/kg.

Thịt gà ta làm sẵn có kiểm dịch: Giá phổ biến ở mức 90.000 - 105.000 đồng/kg; thịt gà công nghiệp làm sẵn phổ biến ở mức 50.000 - 60.000 đồng/kg.

Giá hầu hết các loại rau, củ, quả ổn định. Bắp cải phổ biến 7.000 - 13.000 đồng/kg; khoai tây phổ biến 8.000 - 15.000 đồng/kg, cà chua phổ biến 9.000 - 11.500 đồng/kg.

Giá một số mặt hàng thủy, hải sản tương đối ổn định: Cá chép phổ biến 70.000 - 75.000 đồng/kg; tôm sú phổ biến 200.000 - 210.000 đồng/kg; cá quả phổ biến 120.000 - 130.000 đồng/kg.

- *Dự báo*: 15 ngày cuối tháng 01/2018, giá các mặt hàng thực phẩm tươi sống ổn định.

3. PHÂN BÓN URÊ

Diễn biến và nguyên nhân:

- *Thị trường thế giới*: So với cùng kỳ tháng 12/2017, giá phân bón Urê tại một số thị trường chính trên thế giới ổn định trong 15 ngày đầu tháng 1/2018. Cụ thể:

DVT: USD/tấn

Thị trường	15 ngày đầu T01/2018	15 ngày đầu T12/2017	15 ngày đầu T1 so với 15 ngày đầu T12
Yuzhny (FOB)	273-280	273-280	Ổn định
Baltic (FOB)	205-215	205-215	Ổn định
Trung Đông (FOB)	290-295	290-295	Ổn định
Trung Quốc	275-280	275-280	Ổn định

- *Thị trường trong nước*: Giá phân bón urê trong nước 15 ngày đầu tháng 1/2018 giảm nhẹ khoảng 100 đồng/kg so với tháng 12/2017 do nhu cầu thị trường thấp. Tại miền Bắc, mức giá phổ biến khoảng 6.700-7.000 đồng/kg; tại miền Nam, mức giá phổ biến khoảng 6.200-7.000 đồng/kg.

Dự báo: 15 ngày cuối tháng 01/2018, giá phân bón trong nước và thế giới tiếp tục ổn định.

4. ĐƯỜNG

a) *Diễn biến và nguyên nhân:*

- *Thị trường thế giới*:

Sau khi tăng giá trong nửa cuối tháng 12/2017, giá đường giao kỳ hạn trên thị trường thế giới 15 ngày đầu tháng 01/2018 quay trở lại xu hướng giảm bởi thông tin các nhà phân tích hàng hóa đã nâng dự báo thặng dư đường toàn cầu niên vụ

2017-2018 lên mức 10,43 triệu tấn và một phần do áp lực từ việc bán ra của các nhà sản xuất Thái Lan. Tuy nhiên, giá đường giao kỳ hạn trên thị trường thế giới 15 ngày đầu tháng 01/2018 vẫn ở mức tăng so với mức giá tháng 12/2017. Cụ thể:

Tại New York:

+ Giá đường thô giao kỳ hạn tháng 03/2018 khoảng 14,18-15,31 Uscent/Lb, tăng 0,23-0,52 Uscent/LB;

+ Giá đường thô giao kỳ hạn tháng 05/2018 khoảng 14,32-15,21 Uscent/Lb, tăng 0,18-0,8 Uscent/LB;

Tại Luân đôn:

+ Giá đường trắng giao kỳ hạn tháng 03/2018 khoảng 375-399,3 USD/tấn, tăng 10,4-14,5 USD/tấn;

+ Giá đường trắng giao kỳ hạn tháng 05/2018 khoảng 378,3-397,2 USD/tấn, tăng 6,1-17,7 USD/tấn;

- *Thị trường trong nước:*

So với tháng 12/2017, giá bán buôn đường trên thị trường 15 ngày tháng 1/2018 tiếp tục ở mức thấp: Giá bán buôn đường RS ở mức khoảng 12.700-13.600 đồng/kg, giảm 400 đồng/kg; giá bán buôn đường RE ở mức khoảng 14.600-15.800 đồng/kg, giảm 200 đồng. Giá bán lẻ đường trên thị trường ở mức 15.000-18.000 đồng/kg

b) Dự báo: Giá đường thị trường thế giới trong tiếp tục ở mức thấp. Trong nước, nguồn cung đường bảo đảm đáp ứng mọi nhu cầu tiêu dùng trong nước, kể cả để chuẩn bị phục vụ Tết nguyên đán Mậu Tuất. Do đó, giá đường trong nước 15 ngày cuối tháng 1 ổn định.

5. XI MĂNG

- *Sản xuất và tiêu thụ:* Theo Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam (TCTCNXM), ước lượng sản xuất và tiêu thụ của toàn ngành xi măng 15 ngày đầu tháng 01/2018 cơ bản ổn định so với 15 ngày đầu tháng 12/2017, ước lượng sản xuất đạt khoảng 3,5 triệu tấn (TCTCNXM: 1,2 triệu tấn), ước sản lượng tiêu thụ đạt khoảng 3,1 triệu tấn (TCTCNXM: 0,9 triệu tấn).

- *Diễn biến và nguyên nhân:* Theo báo cáo của TCTCNXM, giá xi măng trong nước 15 ngày đầu tháng 01/2018 so với 15 ngày đầu tháng 12/2017, giảm từ 10.000 - 170.000 đồng/tấn (giảm 0,62- 17%) tùy theo từng chủng loại, nhà sản xuất và địa bàn tiêu thụ. Nguyên nhân cơ bản do nhu cầu xuất khẩu giảm, lượng tồn kho

tăng cao, nhà máy đã vượt công suất sản xuất nên giảm được chi phí sản xuất và phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và cạnh tranh được với các loại xi măng khác trên thị trường. Cụ thể, 15 ngày đầu tháng 01/2018 giá bán một số chủng loại xi măng phổ biến tại nhà máy của các công ty xi măng thuộc Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam như Công ty xi măng Hoàng Thạch, Bút Sơn, Bỉm Sơn, Hà Tiên¹ trong khoảng từ 850.000- 1.615.000 đồng/tấn (Giá giao trên phương tiện bên mua tại nhà máy và đã có thuế GTGT).

* *Giá bán lẻ trên thị trường 15 ngày đầu tháng 01/2018*: Theo báo cáo của Sở Tài chính các tỉnh, thành phố, giá bán lẻ xi măng 15 ngày đầu tháng 01/2018 có biến động giảm so với cuối tháng 12/2017; tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung hiện phổ biến từ 950.000-1.450.000 đồng/tấn; tại các tỉnh miền Nam phổ biến từ 1.260.000-1.750.000 đồng/tấn.

Giá xi măng xuất khẩu tại Hòn Gai 15 ngày đầu tháng 01/2018 ổn định so với 15 ngày đầu tháng 12/2017 ở mức 46,5 USD/tấn; giá clinker xuất khẩu ở mức 30 USD/tấn FOB Cẩm Phả.

- **Dự báo**: 15 ngày cuối tháng 01/2018, giá bán xi măng tại các doanh nghiệp sản xuất xi măng 15 ngày cuối tháng 01/2018 cơ bản ổn định.

6. THÉP XÂY DỰNG

- **Sản xuất và tiêu thụ**: Ước sản lượng thép xây dựng sản xuất và kinh doanh 15 ngày đầu tháng 01/2018 ổn định so với 15 ngày đầu tháng 12/2017.

- Diễn biến giá thị trường:

+ *Thị trường thế giới*: Giá chào bán phôi thép thị trường thế giới 15 ngày đầu tháng 01/2018 cơ bản ổn định, hiện tại giá chào phôi thép CFR Đông Á ở khoảng 420-445 USD/tấn, giá chào phôi CIS khoảng 440 USD/tấn FOB Biển Đen.

+ *Thị trường trong nước*: Theo Tổng Công ty thép Việt Nam, giá thép tại các nhà máy 15 ngày đầu tháng 01/2018 cơ bản ổn định so với 15 ngày đầu tháng 12/2017. Hiện tại, giá bán tại các nhà máy sản xuất thép ở mức khoảng từ 11.400-14.200 đồng/kg (giá giao tại nhà máy, chưa bao gồm 10% thuế VAT, chiết khấu bán hàng).

Giá thép xây dựng bán lẻ trên thị trường hiện tại như sau: tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung dao động ở mức 11.400-14.000 đồng/kg; tại các tỉnh Miền Nam dao động ở mức 11.600-14.200 đồng/kg.

- **Dự báo**: 15 ngày cuối tháng 01/2018, giá bán lẻ thép xây dựng tại thị trường trong nước cơ bản ổn định.

7. LPG

a) *Tình hình cung - cầu:* Tổng nhu cầu sử dụng LPG trong nước 15 ngày đầu tháng 01/2018 ước khoảng 61.500 tấn ổn định so với cùng kỳ tháng 12/2017. Trong đó, nguồn cung LPG từ sản xuất trong nước của Nhà máy Dinh Cố và Dung Quất khoảng 28.000 tấn (bằng 45,23% nhu cầu); nguồn nhập khẩu ước khoảng 33.500 tấn (bằng 54,47% nhu cầu).

b) *Diễn biến giá cả:* Theo tin Reuters, giá CP (contract price) trên thị trường thế giới tháng 01/2018 do Công ty Aramco của Ả Rập công bố ổn định so với tháng 12/2017. Theo đó, giá CP bình quân tháng 01/2018 bằng với mức giá CP tháng 12/2017 là 580USD/tấn.

Các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá LPG tại Bộ Tài chính ngoài 1 số đơn vị giữ ổn định giá, có một số đơn vị điều chỉnh tăng giá bán lẻ LPG bình 12kg khoảng 1.000đ/bình do tỷ giá tại ngày kê khai tăng 05 đồng so với lần kê khai liền kề, một số đơn vị điều chỉnh cả tăng và giảm giá bán buôn do thay đổi premium hoặc giảm chi phí bảo bảo, lưu trữ. Mức giá bán lẻ của các đơn vị từ tháng 01/2018 cụ thể như sau:

T T	Tên công ty	Đơn vị tính	Mức giá kê khai liên kề trước	Mức giá kê khai tháng này	Mức tăng		Tỷ lệ tăng
					Đ/kg	Đồng /bình 12kg	
1	Công ty TNHH MTV dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro)	Bình 12kg	350.000	350.000	0	0	0%
2	Công ty cổ phần kinh doanh khí Miền Nam	Bình 12kg	351.000	351.000	0	0	0%
3	Công ty TNHH thương mại Trần Hồng Quân	Bình 12kg	318.000	318.000	0	0	0%
4	Công ty TNHH Super Gas	Bình 12kg	378.988	378.988	0	0	0%

c) **Dự báo:** Giá LPG dự kiến ổn định trong nửa cuối tháng 01/2018.

8. GIÁ XĂNG DẦU

a) Diễn biến giá cả:

- Giá xăng dầu thành phẩm thế giới:

Giá xăng dầu thành phẩm thế giới nửa đầu tháng 01/2018 biến động tăng giá so với 15 ngày đầu tháng 12/2017 và cả tháng 12/2017. So sánh giá xăng dầu thế giới bình quân 15 ngày đầu tháng 01/2018 với bình quân 15 ngày đầu tháng 12/2017 và với bình quân cả tháng 12/2017 cho thấy:

+ So với bình quân 15 ngày đầu tháng 12/2017: giá mặt hàng xăng tăng 3,58%, dầu hỏa tăng 7,67%, dầu điêzen tăng 7,40% và dầu ma dút tăng 5,17%.

+So với bình quân cả tháng 12/2017, giá mặt hàng xăng tăng khoảng 3,221%, dầu madut tăng 3,68%, dầu dầu điêzen tăng khoảng 5,82%, dầu hỏa tăng 6,09%.

Mức điều chỉnh chi tiết từng mặt hàng như sau:

Đơn vị tính: USD/thùng, riêng madut: USD/tấn

Chủng loại	BQ tháng 12/2017	BQ 15 ngày đầu tháng 12/2017	BQ 15 ngày đầu tháng 1/2018	So sánh			
				(3)/(2)		(3)/(1)	
				Mức	Tỷ lệ %	Mức	Tỷ lệ %
Xăng RON92	73,25	72,99	75,61	+2,61	+3,58	+2,35	+3,21
Dầu hỏa	75,45	74,34	80,04	+5,70	+7,67	+4,59	+6,09
Dầu điê-zen 0,05S	75,31	74,20	79,69	+5,49	+7,40	+4,38	+5,82
Madut 180cst 3,5%S	366,17	360,99	379,66	+18,67	+5,17	+13,49	+3,68

- Giá xăng dầu trong nước:

Ngày 04/01/2018, căn cứ giá xăng dầu thế giới bình quân 15 ngày (từ ngày 20/12/2017 đến hết ngày 03/01/2018); Bộ Công Thương đã ban hành văn bản số 51/BCT-TTTN về điều hành kinh doanh xăng dầu; trong đó, Bộ Công Thương yêu cầu các thương nhân xăng dầu đầu mỗi:

+ Giữ nguyên mức trích lập Quỹ BOG xăng dầu đối với các mặt hàng dầu như hiện hành;

+ Chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các mặt hàng xăng dầu, cụ thể: Xăng khoáng: ngừng chi sử dụng; Xăng E5: 857 đồng/lít; Dầu điêzen: 400 đồng/lít; Dầu hỏa: 460 đồng/lít; Dầu ma dút: 150 đồng/kg.

+ Giá bán xăng dầu: Sau khi thực hiện việc trích lập và chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu nêu trên, giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường không cao hơn mức giá:

- Xăng E5: không cao hơn 18.243 đồng/lít;
- Dầu điêzen 0.05S: không cao hơn 15.529 đồng/lít;
- Dầu hỏa: không cao hơn 14.112 đồng/lít;
- Dầu madút 180CST 3.5S: không cao hơn 12.617 đồng/kg.

+ Thời gian thực hiện

- Trích lập và chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các mặt hàng xăng dầu: Áp dụng từ 15 giờ 00 ngày 04/01/2018.

- Điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu: Do thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu quy định nhưng không sớm hơn 15 giờ 00 ngày 04/01/ 2018 đối với các mặt hàng xăng dầu.

Hiện nay, giá bán lẻ, mức trích, mức sử dụng Quỹ BOG, thuế suất thuế nhập khẩu bình quân gia quyền các chủng loại xăng, dầu trong giá cơ sở từ sau thời điểm 15 giờ 00 ngày 04/01/2018 cụ thể như sau:

Các chủng loại xăng dầu	Giá bán trong nước hiện hành (đồng/lít,kg)	Quỹ BOG (đồng/lít,kg)		Thuế suất thuế nhập khẩu bình quân trong giá cơ sở (%)
		Trích	Sử dụng	
Xăng RON 95	20.090	300	0	10,0
Xăng E5	18.240	0	857	10,0
Dầu điêzen 0,05S	15.520	300	400	1,03
Dầu hỏa	14.110	300	460	0,11
Dầu madut 3,5S	12.610	300	150	3,26

Ghi chú: Giá bán hiện hành lấy theo giá bán hiện hành của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.

b) Dự báo: Giá xăng dầu thế giới 15 ngày cuối tháng 01/2018 xu hướng tăng nhẹ.

9. THUỐC

Về cơ bản thị trường thuốc 15 ngày tháng 01/2018 vẫn tiếp tục ổn định, đáp ứng đủ thuốc cung ứng cho nhu cầu phòng và chữa bệnh của nhân dân. Qua khảo sát một số loại thuốc bán lẻ trên thị trường không có mặt hàng nào biến động giá so với tháng 12/2017, cụ thể:

Stt	Tên thuốc	Đvt	Hãng sản xuất	Đơn giá (VNĐ)	So với cuối tháng 12/2017 (%)
1	Amplicilin 500mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Cty cổ phần dược liệu TW2	76.000	0
2	Thuốc ho bổ phế Nam Hà	Lọ x 125ml	Nam Hà Pharma	13.500	0
3	An Thảo	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Dược phẩm Yên Bái	53.000	0
4	Rutin-C	Hộp 100 viên	Intech pharma	15.000	0
5	Vitamin 3B	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Dược thảo Phúc Vinh	50.000	0
6	Plusssz max	Lọ 20 viên	NP Pharma	32.000	0
7	Dophazolin	Lọ 8ml	Đại học dược HN	12.000	0
8	Vimaxx (eyes drops)	Lọ 15ml	Cty cổ phần dược phẩm Nam Hà	15.000	0

Theo thông tin về giá thuốc kê khai công bố trên trang điện tử của Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế, tính từ đầu năm 2017 đến ngày 29/12/2017: Về thuốc nhập khẩu, có 2225 lượt mặt hàng thuốc kê khai giá, 43 lượt mặt hàng kê khai lại giá; về thuốc sản xuất trong nước, có 3178 lượt mặt hàng kê khai giá, 88 lượt mặt hàng kê khai lại giá.

- **Nguyên nhân:** chủ yếu khiến giá thuốc trên thị trường ổn định là do nguồn cung thuốc dồi dào; giá nhập khẩu thuốc và nguyên liệu sản xuất thuốc nhìn chung ổn định và việc tăng cường xem xét giá thuốc kê khai của Bộ Y tế và Sở Y tế.

- **Dự báo:** 15 ngày cuối tháng, mặt bằng giá thuốc cơ bản ổn định, nguồn cung ứng thuốc vẫn đáp ứng đủ nhu cầu phòng bệnh và chữa bệnh của người dân.

10. VÀNG

- *Thị trường thế giới:* Đồng Đôla mất giá là động lực khiến giá vàng tăng trong 15 ngày đầu tháng 1/2018: từ 1.301 USD/ounce (01/1), lên 1.325 USD/ounce (05/1), lên 1.343 USD/ounce (15/1)- mức giá cao nhất trong vòng 4 tháng trở lại đây. Nhu cầu đầu tư vàng của tư nhân dịp đầu năm mới cũng là yếu tố đẩy giá vàng tăng. Quỹ SPDR gold Trust đã giảm lượng vàng nắm giữ 0.35% xuống còn 829 tấn.

- *Thị trường trong nước:* Giao dịch ở mức ổn định quanh mức 36,40-36,65 triệu đồng/lượng trong những ngày đầu tháng, sang tuần thứ hai, giá vàng có xu hướng tăng lên mức 36,7-36,9 triệu đồng/lượng. Chỉ trong vòng 1 tuần, giá vàng đã tăng khoảng 500.000 đồng/lượng. Tuy nhiên, theo các chuyên gia nhận định, mức tăng này của giá vàng trong nước chỉ phản ánh được một phần mức tăng của giá vàng thế giới. Mức chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới theo quy đổi đã thu hẹp lại ở mức khoảng hơn 400.000 đồng/lượng ở thời điểm giữa tháng 01/2018.

Giá bán vàng 99,99% tại các công ty kinh doanh vàng bạc Nhà nước tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh (đầu tháng 1/2018) dao động lần lượt ở mức 3.647- 3.669 triệu đồng/chỉ (mua vào-bán ra), chốt phiên giữa tháng (15/01) ở mức 3.676-3.698 triệu đồng/chỉ.

11. ĐÔLA MỸ

- *Thị trường thế giới:* Chỉ số USD Index giảm trong 15 ngày đầu tháng 01/2018, xuống mức thấp nhất kể từ tháng 12/2014 (90,25 điểm ngày 15/1), trong bối cảnh báo cáo cho thấy kinh tế Mỹ tiếp tục phục hồi khả quan, thị trường chứng khoán Mỹ đứng ở mức cao kỷ lục (DowJones đạt 25600 điểm, S&P đạt 2767 điểm, Nasdaq Composite đạt 7210 điểm) và lợi tức trái phiếu Chính phủ Mỹ tăng, FED tiếp tục thực hiện chính sách tăng lãi suất cơ bản. Các chuyên gia cho rằng nguyên nhân khiến đồng Đôla giảm giá sâu là do những nghi ngại của nhà đầu tư về chính sách kinh tế của Tổng thống Donald Trump về cải cách giảm thuế, chính sách “nước Mỹ trên hết” trong bối cảnh các Ngân hàng trung ương Châu Âu (ECB), Nhật Bản (BOJ) và Trung Quốc (BOC) đang dần thắt chặt chính sách tiền tệ.

Chỉ số Euro Index tăng trong 15 ngày đầu tháng: thấp nhất: 95 điểm, cao nhất: 97.8 điểm, trung bình: 96.16 điểm;

Cặp tỷ giá Euro/USD giao động theo hướng Euro tăng giá so với USD, 01 Euro đổi được: 1,2009 USD/01 Euro (1/1), tăng lên 1,2071 USD (5/1), lên 1,2262 USD (15/1).

- *Thị trường trong nước:* Tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với Đôla Mỹ được niêm yết ở mức 22.415 đồng/USD . Đến giữa tháng, tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố áp dụng cho ngày 15/01/2018 là 22.396 đồng/USD, giảm 19 đồng/USD so với mức niêm yết đầu tháng. Mặc dù trên thị trường thế giới, ghi nhận đồng USD liên tục giảm giá, tuy nhiên, tỷ giá trung tâm biến động không nhiều. Tại các ngân hàng thương mại lớn, giá giao dịch USD có biến động quanh mức 22.745 đồng/USD cho thấy chính sách tỷ giá đang được điều hành đúng hướng. Tỷ giá Đôla Mỹ được niêm yết đầu tháng và giữa tháng đều ở mức mua vào/ bán ra là: 22.675-22.745 đồng/USD, ổn định so với tháng trước.

Tỷ giá hạch toán giữa Đồng Việt Nam với Đôla Mỹ tháng 01/2018 được Bộ Tài chính công bố áp dụng cho các nghiệp vụ quy đổi và hạch toán thu, chi ngân sách Nhà nước bằng ngoại tệ; quy đổi và hạch toán sổ sách kế toán của Kho bạc Nhà nước là 1 USD = 22.439 đồng, giảm 26 đồng so với tháng trước./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (b/c);
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Thường trực Ban Bí thư (b/c);
- Ban Kinh tế Trung ương;
- UB Kinh tế Quốc hội;
- Văn phòng CP (Vụ KTTH);
- Các Bộ: NN&PTNT, Công Thương (Vụ CSTTTN, Cục QLTT), KH&ĐT, XD, Công An (Cục Bảo vệ ANKT, Tổng Cục An Ninh);
- Bộ Tài chính: Vụ CST, Vụ NSNN, Thanh tra Bộ, HVTC, Tổng cục Thuế, Viện CL&CSTC, Đại diện CQ Bộ tại TP. HCM;
- Sở TC các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Hội Thẩm định giá Việt Nam;
- Lãnh đạo Cục QLG;
- Các đơn vị thuộc Cục QLG;
- Lưu: VT, THPTDB.

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

(đã ký)

Đặng Công Khôi